

Mẫu CBTT - 03

(Ban hành theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin
trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CP CAO SU SAO VÀNG**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT**

Quý 4 năm 2009

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	291.590.558.266	352.139.243.258
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	7.671.424.045	41.959.981.628
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	59.454.766.651	73.236.157.248
4	Hàng tồn kho	219.297.561.110	233.262.807.419
5	Tài sản ngắn hạn khác	5.166.806.460	3.680.296.963
II	Tài sản dài hạn	267.650.035.010	229.672.558.489
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	265.842.924.595	227.342.208.693
	- Tài sản cố định hữu hình	183.866.872.883	172.385.391.710
	- Tài sản cố định vô hình	3.697.613.022	3.677.140.522
	- Tài sản cố định thuê tài chính	49.123.377.986	51.027.223.483
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	29.155.060.704	252.452.978
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	243.702.164	1.749.753.280
5	Tài sản dài hạn khác	1.563.408.251	580.596.516
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	559.240.593.276	581.811.801.747
IV	Nợ phải trả	415.616.078.074	340.542.282.914
1	Nợ ngắn hạn	338.581.597.777	304.337.849.335
2	Nợ dài hạn	77.034.480.297	36.204.433.579
V	Vốn chủ sở hữu	143.624.515.202	241.269.518.833
1	Vốn chủ sở hữu	141.775.870.550	240.196.527.294
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	108.000.000.000	108.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	20.430.233.605	20.430.233.605
	- Vốn khác của chủ sở hữu	1.001.031.559	1.001.031.559
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(979.677.303)
	- Các quỹ	9.123.010.932	8.888.517.568
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.221.594.454	102.856.421.865
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1.848.644.652	1.072.991.539
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.569.002.898	849.732.681
	- Nguồn kinh phí		(454.545)
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	279.641.754	223.713.403
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	559.240.593.276	581.811.801.747

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Quý 4/2009	Năm 2009
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	291.533.106.015	1.096.404.134.443
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1.972.666.618	3.374.999.635
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	289.560.439.397	1.093.029.134.808
4	Giá vốn hàng bán	237.938.111.393	888.071.975.456
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.622.328.004	204.957.159.352
6	Doanh thu hoạt động tài chính	591.632.964	1.429.934.547
7	Chi phí tài chính	5.736.178.618	27.774.509.680
8	Chi phí bán hàng	6.820.666.830	26.686.234.982
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.927.382.061	35.456.450.341
10	Lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh	26.729.733.459	116.469.898.896
11	Thu nhập khác	622.582.348	1.040.770.719
12	Chi phí khác	151.908.055	214.690.937
13	Lợi nhuận khác	470.674.293	826.079.782
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.200.407.752	117.295.978.678
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.400.050.969	14.661.997.335
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.800.356.783	102.633.981.343
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.204	9.503
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Cường